

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC THÚ Y CAI LẬY**

Số: 012/2015/ MKV

*V/v công bố thông tin Báo cáo tài chính
năm 2014 có soát xét của kiểm toán*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Tiền Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2015

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lay
2. Mã chứng khoán: MKV
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố 1, phường 5, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.
4. Điện thoại: 84-73-3710769 Fax: 84-73-3826363
5. Người được ủy quyền công bố thông tin: ông Nguyễn Anh Tuấn – Trưởng ban kiểm soát.
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính năm 2014 có soát xét của kiểm toán. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lay được lập ngày 13 tháng 03 năm 2015 gồm: BCĐKT, BCKQHĐKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Nội dung giải trình:

Doanh thu thuần tăng 60% so với cùng kỳ năm 2013 với lợi nhuận sau thuế đạt dương 2.436.861.041 đồng so với năm 2013 là dương 858.680.184 đồng, tăng lợi nhuận sau thuế 1.578.180.857 đồng. Lợi nhuận tăng do quy mô sản xuất được mở rộng.
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.mekovet.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu HCNS.

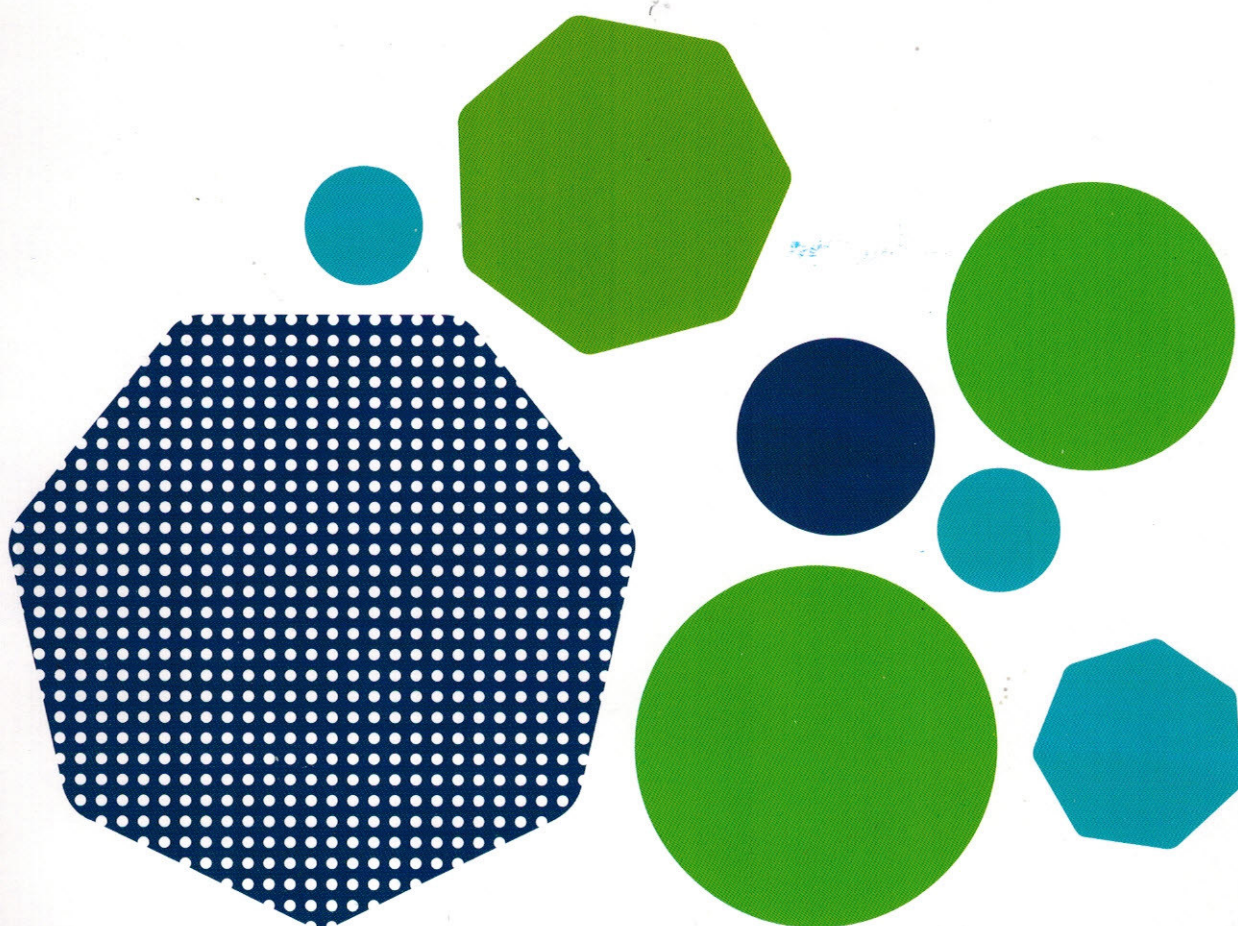
Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

Ông David John Whitford

Phó Chủ tịch

Ông Lê Thanh Nam

Đánh giá từ ngày 22/04/2014

Ông Vũ Tiến Đạt

Thành viên

Ông Đào Minh Hòa

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Tiến Đạt

Tổng Giám đốc

KẾ TOÁN ĐỘC LẬP

Ông Trần Hoàng Linh

Văn phòng từ ngày 29/06/2014

Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền

Hồ sơ từ ngày 10/07/2014

CẤP SỰ KIỂM SÁT NGÀY KẾ TÍNH KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty không tính công không có sự liên quan sau ngày kết thúc năm tài chính và từ trước năm tài chính năm trước đó của công ty và các đơn vị trực thuộc công ty và các đơn vị liên quan tài chính của công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Ban Tổng Giám đốc Công ty không tính công không có sự liên quan sau ngày kết thúc năm tài chính và từ trước năm tài chính năm trước đó của công ty và các đơn vị trực thuộc công ty và các đơn vị liên quan tài chính của công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính theo quy định pháp luật và các quy định của pháp luật về kế toán và các quy định của pháp luật về thuế và các quy định của pháp luật về các vấn đề khác liên quan đến báo cáo tài chính của công ty.

- Lập công trình kế toán và thuế theo đúng quy định pháp luật và các quy định của pháp luật về kế toán và các quy định của pháp luật về thuế và các quy định của pháp luật về các vấn đề khác liên quan đến báo cáo tài chính của công ty.
- Đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu kế toán và thuế và các tài liệu khác liên quan đến báo cáo tài chính của công ty.
- Đảm bảo tính minh bạch và trung thực của các tài liệu kế toán và thuế và các tài liệu khác liên quan đến báo cáo tài chính của công ty.
- Đảm bảo tính kịp thời và đầy đủ của các tài liệu kế toán và thuế và các tài liệu khác liên quan đến báo cáo tài chính của công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty không tính công không có sự liên quan sau ngày kết thúc năm tài chính và từ trước năm tài chính năm trước đó của công ty và các đơn vị trực thuộc công ty và các đơn vị liên quan tài chính của công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2014 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch
Ông Quách Mạnh Hào	Phó Chủ tịch miễn nhiệm từ ngày 26/04/2014
Ông David John Whitehead	Phó Chủ tịch
Ông Lê Thành Nam	Thành viên bổ nhiệm từ ngày 27/04/2014
Ông Vũ Tiến Đạt	Thành viên
Ông Đào Mạnh Hòa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Tiến Đạt	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

Kế toán trưởng

Ông Trần Hoàng Sơn	Miễn nhiệm từ ngày 25/06/2014
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Bổ nhiệm từ ngày 25/06/2014

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Tiến Đạt

Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 13 tháng 03 năm 2015



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính của công ty được lập ngày 13 tháng 03 năm 2015, trình bày từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666- 2014- 112- 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2015

[Handwritten signature]

Mai Việt Hùng
Kiểm toán viên

Giấy ĐKHN Kiểm toán số 2334-2014-112- 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.659.032.526	25.384.552.320
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.991.942.248	1.952.586.474
Tiền	111		1.991.942.248	1.952.586.474
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.137.436.340	10.366.656.434
Phải thu khách hàng	131		14.483.836.264	14.594.614.190
Trả trước cho người bán	132		713.151.037	550.524.759
Các khoản phải thu khác	135	5	952.651.866	371.747.580
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(12.202.827)	(5.150.230.095)
Hàng tồn kho	140		12.598.412.811	9.419.703.128
Hàng tồn kho	141	6	12.598.412.811	9.419.703.128
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.931.241.127	3.645.606.284
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		99.573.510	151.988.800
Thuế GTGT được khấu trừ	152		173.274.372	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	7	-	3.243.688.217
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.658.393.245	249.929.267
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.388.903.270	43.237.540.419
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		43.659.417.493	41.080.715.419
Tài sản cố định hữu hình	221	8	32.726.878.561	2.282.113.779
- Nguyên giá	222		40.497.048.548	6.960.943.160
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.770.169.987)	(4.678.829.381)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	7.239.690.320	4.738.799.395
- Nguyên giá	225		8.032.477.610	4.755.645.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(792.787.290)	(16.846.460)
Tài sản cố định vô hình	227	10	1.601.834.545	1.583.984.545
- Nguyên giá	228		1.656.017.875	1.618.017.875
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.183.330)	(34.033.330)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	2.091.014.067	32.475.817.700
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.729.485.777	2.156.825.000
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	726.995.737	1.166.331.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		11.996.040	-
Tài sản dài hạn khác	268		990.494.000	990.494.000
TỔNG TÀI SẢN	270		78.047.935.796	68.622.092.739

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		51.020.228.449	44.031.246.433
Nợ ngắn hạn	310		25.885.684.347	18.246.994.634
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	14.277.447.927	7.601.320.709
Phải trả người bán	312		7.541.405.236	6.547.772.739
Người mua trả tiền trước	313		1.538.497.653	76.710.163
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	763.607.327	1.774.368.958
Phải trả người lao động	315		1.130.857.733	1.023.183.616
Chi phí phải trả	316	15	427.043.652	1.223.846.083
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	244.055.900	37.023.447
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(37.231.081)	(37.231.081)
Nợ dài hạn	330		25.134.544.102	25.784.251.799
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	17	25.114.544.102	25.764.251.799
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		20.000.000	20.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.027.707.347	24.590.846.306
Vốn chủ sở hữu	410	18	27.027.707.347	24.590.846.306
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26.891.630.000	26.891.630.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(380.000)	(380.000)
Quỹ đầu tư phát triển	417		8.817.459	8.817.459
Quỹ dự phòng tài chính	418		61.045.665	61.045.665
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		66.594.223	(2.370.266.818)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		78.047.935.796	68.622.092.739

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		7.041.331.085	1.903.303.817
Ngoại tệ các loại:		-	218,74
USD		-	218,74



Vũ Tiến Đạt
Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 13 tháng 03 năm 2015

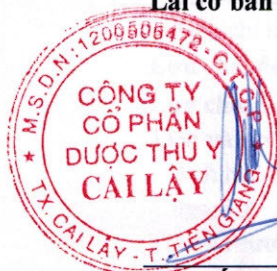
Phan Nguyễn Thanh Huyền
Kế toán trưởng

Đoàn Thị Cẩm Nhung
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	80.164.253.936	50.140.593.196
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	20	18.975.798.973	4.111.230.526
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		61.188.454.963	46.029.362.670
 Giá vốn hàng bán	 11	 21	 38.981.002.981	 26.005.591.393
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.207.451.982	20.023.771.277
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	9.491.052	95.519.550
Chi phí tài chính	22	23	5.722.042.639	4.797.602.283
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.413.137.866	2.067.247.421
Chi phí bán hàng	24	24	10.006.152.995	9.372.022.773
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	3.567.044.972	4.531.133.527
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.921.702.428	1.418.532.244
Thu nhập khác	31	26	66.384.197	4.180.636.362
Chi phí khác	32	27	52.630.800	4.000.901.932
Lợi nhuận khác	40		13.753.397	179.734.430
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.935.455.825	1.598.266.674
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	498.594.784	739.586.490
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.436.861.041	858.680.184
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	906	347



Vũ Tiến Đạt
Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 13 tháng 03 năm 2015

Phan Nguyễn Thanh Huyền
Kế toán trưởng

Đoàn Thị Cẩm Nhung
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		2.935.455.825	1.598.266.674
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		3.887.431.436	373.469.597
Các khoản dự phòng	3		-	212.872.539
(Lãi) hoạt động đầu tư	5		(9.491.052)	(634.964.802)
Chi phí lãi vay	6		4.295.678.736	2.067.247.421
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		11.109.074.945	3.616.891.429
(Tăng) các khoản phải thu	9		(3.811.840.146)	(11.232.286.405)
(Tăng) hàng tồn kho	10		(3.178.709.683)	(4.820.662.332)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11		(1.221.983.965)	4.649.256.266
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12		491.750.553	(930.487.164)
Tiền lãi vay đã trả	13		(4.122.836.874)	(2.067.247.421)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(308.317.222)	(409.192.708)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.889.601.171	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.256.627.135)	(40.000.000)
	20		590.111.644	(11.233.728.335)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.498.287.688)	(32.698.172.793)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	4.098.818.182
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.491.052	95.519.550
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.488.796.636)	(28.503.835.061)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	13.922.207.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		54.988.597.674	41.490.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(51.007.338.331)	(16.368.000.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.043.218.577)	(23.284.796)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.938.040.766	39.020.922.204
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		39.355.774	(716.641.192)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	1.952.586.474	2.669.227.666
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	1.991.942.248	1.952.586.474



Vũ Tiến Đạt
Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 13 tháng 03 năm 2015

Phan Nguyễn Thanh Huyền
Kế toán trưởng

Đoàn Thị Cẩm Nhung
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy, (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200505472 ngày 28 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất lần thứ 8 vào ngày 02/08/2014.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 ngày 02/08/2014 là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng). Tháng 11/2008, Công ty đã chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội (HNX) với mã giao dịch là MKV.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là :

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thuốc thú y; Sản xuất Premix, dưỡng chất, thức ăn dùng cho gia súc, gia cầm, thủy sản;
- Khai thác thủy sản biển. Chi tiết: Đánh bắt thủy sản, hải sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả. Chi tiết: Sản xuất, gia công, chế biến hàng nông sản;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh thuốc thú y; Kinh doanh Premix, dưỡng chất, thức ăn dùng cho gia súc, gia cầm, thủy sản; Kinh doanh nguyên vật liệu, bán thành phẩm, hóa chất, Vacxin phục vụ ngành chăn nuôi thú y và thủy sản;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh hàng trang trí nội thất, ngoại thất, đồ gỗ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh phân bón.
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ;
- Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản, hải sản;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: Sản xuất, gia công, chế biến hàng thủ công mỹ nghệ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Kinh doanh hàng nông sản, lâm sản; Kinh doanh giống cây trồng;
- Chăn nuôi gia cầm. Chi tiết: Sản xuất con giống gia súc, gia cầm, thủy sản; Chăn nuôi gia cầm;
- Trồng lúa;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Chăn nuôi lợn;
- Sản xuất, gia công, chế biến hàng lâm sản;
- Sản xuất, gia công hàng trang trí nội thất, ngoại thất, đồ gỗ;
- Trang trại chăn nuôi theo quy mô công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh chất xử lý môi trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỶ KẾ TOÁN**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 KỶ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập tại ngày 31 tháng 12 Dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

3.2 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi, khi cần thiết được trích lập phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 31
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	06

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.8 THUÊ TÀI SẢN

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.8 THUÊ TÀI SẢN (TIẾP)**

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc, thiết bị	10

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại thửa đất số 1308 ấp Tân Thành, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang với diện tích đất là: 2048,6 m². Quyền sử dụng đất của Công ty không thời hạn và không khấu hao.

3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.11 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có thực nhận các khoản lãi.

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng từ ngày 01/01/2014 là 22% (năm 2013 là 25%) tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Tài sản tài chính (tiếp)**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm 2014 được Công ty trình bày tại thuyết minh số 32.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	897.380.720	1.513.979.915
Tiền gửi ngân hàng	1.094.561.528	438.606.559
	1.991.942.248	1.952.586.474

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng TSCĐ thuê tài chính	515.440.079	369.664.695
Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.082.885
Bảo hiểm xã hội	5.737.953	-
Phải thu đại lý miền bắc	345.451.330	-
Phải thu khác	86.022.504	-
	952.651.866	371.747.580

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.415.141.747	5.871.215.290
Thành phẩm	2.764.810.108	2.560.904.350
Hàng hoá	1.495.058.070	-
Hàng gửi đi bán	923.402.886	987.583.488
	12.598.412.811	9.419.703.128

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT nộp thừa	-	3.243.688.217
	-	3.243.688.217

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUÊN GIÁ				
01/01/2014	2.704.791.123	2.242.229.260	2.013.922.777	6.960.943.160
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	13.177.245.773	20.358.859.615	-	33.536.105.388
31/12/2014	15.882.036.896	22.601.088.875	2.013.922.777	40.497.048.548
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2014	(1.727.632.010)	(1.524.770.593)	(1.426.426.778)	(4.678.829.381)
- Khấu hao trong năm	(602.857.845)	(2.187.868.257)	(300.614.504)	(3.091.340.606)
31/12/2014	(2.330.489.855)	(3.712.638.850)	(1.727.041.282)	(7.770.169.987)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2014	977.159.113	717.458.667	587.495.999	2.282.113.779
31/12/2014	13.551.547.041	18.888.450.025	286.881.495	32.726.878.561

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 13.815.091.956 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2014	4.755.645.855	4.755.645.855
- Thuê tài chính trong năm	3.276.831.755	3.276.831.755
31/12/2014	<u>8.032.477.610</u>	<u>8.032.477.610</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2014	(16.846.460)	(16.846.460)
- Khấu hao trong năm	(775.940.830)	(775.940.830)
31/12/2014	<u>(792.787.290)</u>	<u>(792.787.290)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2014	<u>4.738.799.395</u>	<u>4.738.799.395</u>
31/12/2014	<u>7.239.690.320</u>	<u>7.239.690.320</u>

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2014	1.540.017.875	78.000.000	1.618.017.875
- Mua trong năm	-	38.000.000	38.000.000
31/12/2014	<u>1.540.017.875</u>	<u>116.000.000</u>	<u>1.656.017.875</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2014	-	(34.033.330)	(34.033.330)
- Khấu hao trong năm	-	(20.150.000)	(20.150.000)
31/12/2014	<u>-</u>	<u>(54.183.330)</u>	<u>(54.183.330)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2014	<u>1.540.017.875</u>	<u>43.966.670</u>	<u>1.583.984.545</u>
31/12/2014	<u>1.540.017.875</u>	<u>61.816.670</u>	<u>1.601.834.545</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty tại 01/01/2014 là Công trình nhà máy sản xuất thuốc thú y Cai Lậy đã tạm tăng tài sản cố định và đưa vào sử dụng ngày 24/10/2013. Số dư tại ngày 31/12/2014 là phần phát sinh bổ sung thanh toán cho nhà thầu Công ty chưa tạm tăng tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước của Công ty là chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn:	13.218.809.342	7.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	-	7.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh(1)	11.818.809.342	-
+ Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam (2)	1.400.000.000	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.058.638.585	601.320.709
+ Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	1.058.638.585	601.320.709
	14.277.447.927	7.601.320.709

- (1) Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/CV-0086/SME/14NH ngày 23 tháng 05 năm 2014, hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng, đến ngày 16/12/2014 Công ty nâng hạn mức tín dụng theo phụ lục số 02 lên 15.000.000.000 đồng với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích vay: phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thanh toán trong nước cho các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh hoặc mua ngoại tệ để thanh toán tiền nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng một lần kể từ ngày thực tế rút vốn vay;
- Tài sản đảm bảo: tài sản công trình gắn liền với đất giao (bao gồm trang thiết bị gắn liền với công trình) tại địa chỉ Khu phố 1, phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang trị giá 40,8 tỷ đồng.

- (2) Khoản vay theo hợp đồng cho vay ngày 20/05/2014 thời hạn vay từ ngày 26/05/2014, tổng tiền vay là: 7.000.000.000 đồng, với lãi suất tính theo lãi suất cho vay VND của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm phát sinh. Công ty chủ động thanh toán từng phần khoản vay ngay khi có doanh thu hoặc thanh toán theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	469.113.812	1.259.982.384
Thuế thu nhập cá nhân	294.493.515	387.213.371
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	26.000.000
Các loại thuế khác	-	101.173.203
	763.607.327	1.774.368.958

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí tiền phạt chậm nộp thuế	-	223.846.083
Tiền thưởng hoàn thành kế hoạch trong năm	-	300.000.000
Chi phí hội nghị khách hàng 2013	-	400.000.000
Chi phí bán hàng năm 2014	221.000.000	300.000.000
Chi phí lãi vay dự trả	206.043.652	-
	427.043.652	1.223.846.083

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	-	8.316.017
Kinh phí công đoàn	46.990.186	28.707.430
Bảo hiểm thất nghiệp	7.914.714	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	189.151.000	-
	244.055.900	37.023.447

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	20.400.000.000	23.000.000.000
Vay ngân hàng	-	23.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	23.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh(1)	20.400.000.000	-
Nợ dài hạn	4.714.544.102	2.764.251.799
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam (2)	4.714.544.102	2.575.798.799
Nợ dài hạn khác (3)	-	188.453.000
	25.114.544.102	25.764.251.799

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0055/SME/14CD ngày 23 tháng 05 năm 2014, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với mức lãi suất cho vay 11,3%/năm, đây là khoản cho vay theo sản phẩm tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp theo Công văn số 3045/VCB-CSTD. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản công trình gắn liền với đất giao hình thành trong tương lai (bao gồm trang thiết bị gắn liền với công trình) tại địa chỉ Khu phố 1, Phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)

- (2) Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng cho thuê tài chính số 2013-00037-000 về việc thuê máy móc thiết bị trong thời gian 5 năm, hợp đồng mua bán số 04-VILC-CL ngày 28/06/2013, thông báo mua số 2013-00037-003.
- (3) Khoản vay kinh phí từ Sở Khoa học công nghệ tỉnh Tiền Giang theo hợp đồng hỗ trợ áp dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất thử nghiệm số 29/HĐ-KHCN ngày 27/12/2004 cho dự án: "Nghiên cứu xây dựng nguyên liệu và chế biến tinh dầu trà trà tại Tân Phước", không tính lãi. Theo Công văn số 4205/UBND-NN ngày 17/09/2013 của UBND tỉnh Tiền Giang, UBND đã chấp thuận đề xuất của Sở Tài chính, Sở KH-CN thu hồi 60% số kinh phí đã được cấp để thực hiện dự án, yêu cầu Công ty hoàn trả kinh phí và Sở KH-CN có trách nhiệm thu hồi số kinh phí trên theo đúng quy định. Ngày 21 tháng 11 năm 2013 Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy đã có Công văn số 399/2013/CV-CT về việc không thu hồi kinh phí dự án nghiên cứu xây dựng vùng nguyên liệu và xưởng chế biến dầu trà trà tại huyện Tân Phước, đến thời điểm lập báo cáo tài chính Công ty vẫn chưa nhận được Công văn chấp nhận của UBND tỉnh Tiền Giang. Tại ngày 31/12/2014, Công ty đã chuyển sang phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2013	11.236.000.000	(380.000)	508.817.459	234.485.665	(2.225.706.831)	9.753.216.293
- Tăng vốn trong năm trước	15.655.630.000	-	(500.000.000)	(173.440.000)	-	14.982.190.000
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	858.680.184	858.680.184
- Giảm khác	-	-	-	-	(1.003.240.171)	(1.003.240.171)
31/12/2013	26.891.630.000	(380.000)	8.817.459	61.045.665	(2.370.266.818)	24.590.846.306
01/01/2014	26.891.630.000	(380.000)	8.817.459	61.045.665	(2.370.266.818)	24.590.846.306
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	2.436.861.041	2.436.861.041
31/12/2014	26.891.630.000	(380.000)	8.817.459	61.045.665	66.594.223	27.027.707.347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vốn góp của Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam	15.378.590.000	15.378.590.000
Vốn góp của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	3.680.320.000	3.680.320.000
Các cổ đông khác	7.832.720.000	7.832.720.000
	26.891.630.000	26.891.630.000

18.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2014	01/01/2014
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.689.163	2.689.163
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(38)	(38)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.689.125	2.689.125
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

18.4 CÁC QUỸ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.817.459	8.817.459
Quỹ dự phòng tài chính	61.045.665	61.045.665

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa thành phẩm	80.164.253.936	50.140.593.196
	80.164.253.936	50.140.593.196

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	13.483.805.451	3.350.503.877
Hàng bán bị trả lại	5.491.993.522	760.726.649
	18.975.798.973	4.111.230.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	38.981.002.981	26.005.591.393
	38.981.002.981	26.005.591.393

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.491.052	95.519.550
	9.491.052	95.519.550

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	4.295.678.736	2.067.247.421
Chi phí lãi vay đã được vốn hóa ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2013 (từ tháng 06 đến Tháng 10 năm 2013)	(882.540.870)	-
Chiết khấu thanh toán	2.308.904.773	2.613.949.924
Chi phí tài chính khác	-	116.404.938
	5.722.042.639	4.797.602.283

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	4.173.149.708	1.808.877.978
Chi phí vật liệu, bao bì bán hàng	81.681.691	1.485.179
Chi phí công cụ, đồ dùng	2.651.162.538	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	125.741.302	11.331.297
Chi phí bảo hành	27.699.069	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.238.658.756	1.094.832.574
Chi phí bằng tiền khác	1.708.059.931	6.455.495.745
	10.006.152.995	9.372.022.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.746.340.690	1.439.898.190
Chi phí đồ dùng văn phòng	205.338.458	364.866.510
Chi phí khấu hao tài sản cố định	266.391.480	272.846.066
Thuế phí, lệ phí	332.185.989	466.301.364
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	718.009.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài	252.585.886	95.203.009
Chi phí bằng tiền khác	764.202.469	1.174.008.986
	3.567.044.972	4.531.133.527

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ cho thuê nhà	40.909.090	81.818.180
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	4.098.818.182
Thu nhập khác	25.475.107	-
	66.384.197	4.180.636.362

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	3.559.372.930
Chi phí khác	52.630.800	441.529.002
	52.630.800	4.000.901.932

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.935.455.825	1.598.266.674
Các khoản chi phí không được khấu trừ	330.884.100	1.360.079.286
- Các khoản chi phí (phạt)	32.007.493	-
- Chi phí lãi vay ước tính tương đương với phần góp vốn thiếu	279.753.300	-
- Chi phí không hợp lý khác (ko đầy đủ hóa đơn chứng từ)	19.123.307	1.360.079.286
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	(1.000.000.000)	(658.764.365)
- Hoàn nhập chi phí phải trả năm 2013 đã nộp thuế	(1.000.000.000)	-
- Thu nhập khác chịu thuế suất 25% từ chuyển nhượng bất động sản	-	(658.764.365)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	2.266.339.925	2.299.581.595
Thuế suất	22%	25%
Thuế TNDN phải trả ước tính từ hoạt động kinh doanh chính	498.594.784	574.895.399
Thuế TNDN từ thu nhập khác chuyển nhượng bất động sản	-	164.691.091
Chi phí thuế TNDN hiện hành	498.594.784	739.586.490

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.436.861.041	858.680.184
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	2.689.125	2.472.899
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	906	347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.538.852.002	19.667.213.519
Giá vốn hàng thương mại	17.813.637	941.513.062
Chi phí nhân công	10.236.594.701	5.853.196.988
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.887.431.436	373.469.597
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.606.240.518	1.247.082.833
Chi phí khác bằng tiền	6.267.268.654	13.810.799.342
	52.554.200.948	41.893.275.341

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.14.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.991.942.248	1.952.586.474
Các khoản phải thu ngắn hạn	14.817.084.767	9.444.384.095
Tài sản tài chính dài hạn khác	990.494.000	990.494.000
	17.799.521.015	12.387.464.569
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	39.391.992.029	33.365.572.508
Phải trả người bán	7.541.405.236	6.547.772.739
Chi phí phải trả	427.043.652	1.223.846.083
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	189.151.000	-
	47.549.591.917	41.137.191.330
Trạng thái ròng	(29.750.070.902)	(28.749.726.761)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**Các loại công cụ tài chính (tiếp)**

Tại ngày 31/12/2014 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2014				
Vay và nợ ngắn hạn	-	14.277.447.927	25.114.544.102	39.391.992.029
Phải trả người bán	7.541.405.236	-	-	7.541.405.236
Chi phí phải trả	427.043.652	-	-	427.043.652
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	189.151.000	-	-	189.151.000
	8.157.599.888	14.277.447.927	25.114.544.102	47.549.591.917
01/01/2014				
Vay và nợ ngắn hạn	-	7.601.320.709	25.764.251.799	33.365.572.508
Phải trả người bán	6.547.772.739	-	-	6.547.772.739
Chi phí phải trả	1.223.846.083	-	-	1.223.846.083
	7.771.618.822	7.601.320.709	25.764.251.799	41.137.191.330

Bảng sau đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời gian quá hạn thanh toán tính từ ngày đáo hạn theo hợp đồng đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Số liệu trong bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.991.942.248	-	-	1.991.942.248
Các khoản phải thu ngắn hạn	14.817.084.767	-	-	14.817.084.767
Tài sản tài chính dài hạn khác	-	-	990.494.000	990.494.000
	16.809.027.015	-	990.494.000	17.799.521.015
01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.952.586.474	-	-	1.952.586.474
Các khoản phải thu ngắn hạn	9.444.384.095	-	-	9.444.384.095
Tài sản tài chính dài hạn khác	-	-	990.494.000	990.494.000
	11.396.970.569	-	990.494.000	12.387.464.569

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản đầu tư, Công ty lựa chọn đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có độ tín nhiệm cao. Đối với các khoản phải thu, Ban Tổng Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu và đầu tư ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng lớn là số dư với các bên liên quan, giá trị rủi ro tối đa là giá trị trình bày trên Báo cáo tài chính. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

32. THÔNG TIN KHÁC**32.1 HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**

Hiện tại Công ty đang có các hợp đồng thuê đất sau:

Hợp đồng số 1740/HĐTĐ ngày 31 tháng 10 năm 2007, với Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Tiền Giang, theo đó, Công ty được thuê đất tại số 26, đường Ấp Bắc, phường 5, TP.Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Diện tích đất thuê là: 71,2 m²; thời hạn thuê đến ngày 17 tháng 10 năm 2048 để sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuốc thú y. Số tiền phải trả một năm là: 2.990.400 đồng được ổn định trong 05 năm, kể từ 01/01/2007 đến 01/01/2012, hết thời hạn trên, giá tiền thuê đất được tính lại theo quy định của Nghị định 241/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất.

Hợp đồng số 333/HĐ.TĐ ngày 30 tháng 03 năm 2004, với Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Tiền Giang, theo đó, Công ty được thuê đất tại khu 5, thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (hiện nay là khu phố 1, phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Diện tích đất thuê là: 20.049,70 m²; thời hạn thuê đến ngày 01 tháng 01 năm 2046 để xây dựng cơ sở sản xuất thuốc thú y.

Hợp đồng số 393/HĐTĐ ngày 02/ 02 /2015 với Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Tiền Giang, theo đó, Công ty được thuê đất tại Phường 4, thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang. Diện tích đất thuê là 6.586,7 m², thời hạn thuê từ ngày 20/08/2014 đến hết ngày 20/08/2029.

32.2 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm 2014 và có số dư tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH Austfeed Bình Định	Công ty con trong cùng Tập đoàn
3	Ông Vũ Tiến Đạt	Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**32.2 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch với bên liên quan**

	Năm 2014 VND
Doanh thu với các bên liên quan	
- Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam	2.930.074.336
Mua hàng từ các bên liên quan	
- Công ty TNHH Ausfeed Bình Định	262.944.029
Cho bên liên quan vay	
- Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam cho vay	7.000.000.000
- Chi phí lãi vay của Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam	106.304.659

Số dư với bên liên quan tại ngày 31/12/2014

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản phải thu	2.824.365.669	70.942.790
Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam	2.824.365.669	70.942.790
Các khoản phải trả	124.671.574	40.312.500
Công ty TNHH Ausfeed Bình Định	124.671.574	40.312.500
Các khoản vay	1.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam	1.400.000.000	-

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	792.000.000	470.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (*)	192.000.000	230.000.000
Lương Tổng Giám đốc	600.000.000	240.000.000

(*)Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 27/04/2014 là 300.000.000 đồng.

32.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

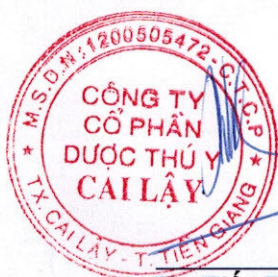
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**32.4 SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)**

Tại ngày 01/01/2014, Công ty đã phân loại và trình bày lại một số chỉ tiêu công nợ phải thu và phải trả do số liệu trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2013 đã trình bày theo số bù trừ, cụ thể:

Chỉ tiêu	Số phân loại lại tại 01/01/2014	Số Báo cáo kiểm toán 31/12/2013	Đơn vị tính: VND
			Chênh lệch Tăng(+)/ Giảm(-)
TÀI SẢN			627.234.922
Phải thu khách hàng	14.594.614.190	14.517.904.027	76.710.163
Trả trước cho người bán	550.524.759	-	550.524.759
NGUỒN VỐN			627.234.922
Phải trả người bán	6.547.772.739	5.997.247.980	550.524.759
Người mua trả tiền trước	76.710.163	-	76.710.163



Vũ Tiến Đạt
Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 13 tháng 03 năm 2015

Phan Nguyễn Thanh Huyền
Kế toán trưởng

Đoàn Thị Cẩm Nhung
Người lập